

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2026/HC-PT
Ngày 20 - 5 - 2026
“V/v khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai và yêu
cầu bồi thường thiệt hại”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Trọng.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh và ông Nguyễn Duy Sơn.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ:** Bà Hà Thị Loan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2026/TLPT- HC ngày 13 tháng 3 năm 2026 về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2026/HC-ST ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Phú Thọ có kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2026/QĐXXPT-HC ngày 14 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Bà Lỗ Thị H, sinh năm 1965; CCCD số 026165010909 cấp ngày 11/8/2022; Địa chỉ: Thôn T, xã H, tỉnh Phú Thọ, “có mặt”.

- **Người bị kiện:** UBND xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T - Chủ tịch UBND xã.

Kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: UBND xã H, tỉnh Phú Thọ;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Huy C - Chủ tịch UBND xã.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phó Khắc C1 - Phó Chủ tịch UBND xã, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/3/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện bà Lỗ Thị H trình bày:

Gia đình bà có thửa đất đã và đang sử dụng là thửa đất số 168, tờ bản đồ số 04, diện tích 944m² tại thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) nay là xã H, tỉnh Phú Thọ (trong đó có 300m² đất thổ cư và 694m² đất vườn), đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) đứng tên hộ ông Nguyễn Văn D (là chồng bà H), do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) cấp ngày 20/10/1999, có số phát hành 0745042, số vào sổ 00266. Trên đất gia đình bà đã xây nhà từ lâu. Năm 1996, gia đình bà xây tường rào bao quanh, có sự chứng kiến của 05 hộ giáp ranh và sống đoàn kết yên ổn từ đó đến nay. Năm 2009 ông D chết, đến năm 2022 bà có làm đơn nhận thừa kế và đổi sổ đỏ từ tên ông D sang tên bà. Khi đó anh Nguyễn Văn N (là hộ giáp ranh) có làm đơn đề nghị ra UBND xã vụ không cho gia đình bà là mượn đất của gia đình anh N (trước đó bà A là mẹ anh N đã ký vào hộ giáp ranh).

Nhưng khi bà nộp hồ sơ lên UBND xã Đ thì hồ sơ bị lỗi nên phải đi xin chữ ký lại của 05 hộ giáp ranh, thì anh N con trai bà A nhất quyết không ký, anh N cũng không có đơn khởi kiện bà ra Tòa án, nhưng UBND xã Đ vẫn từ chối hồ sơ của bà vô thời hạn. Ngày 14/6/2023, bà có đơn đề nghị UBND xã Đ giải quyết, đến ngày 19/5/2023, UBND xã Đ có mời bà và luật sư của bà về làm việc, nhưng anh N hôm đó vắng mặt không có lý do, UBND xã biết trước việc anh N không về làm việc nhưng cũng không báo lại cho bà, trong khi đó bà phải mất tiền chi trả cho luật sư. Sau đó, bà làm đơn khởi kiện anh N ra Tòa án nhân dân huyện Sông Lô (cũ) giải quyết về tranh chấp đất đai, Tòa án nhân dân huyện Sông Lô xét xử đã chấp nhận ranh giới đất giữa gia đình bà và gia đình anh N, sau đó anh N có kháng cáo xét xử phúc thẩm. Sau đó bà rút đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, vì Tòa án tỉnh Vĩnh Phúc xác định đất của gia đình bà không phải là đất tranh chấp.

Sau khi Tòa án tỉnh Vĩnh Phúc ra quyết định đình chỉ vụ án dân sự, bà lại tiếp tục lên UBND xã Đ, nộp hồ sơ đề nghị UBND xã Đ xác nhận ranh giới cho bà, để bà làm thủ tục sang tên GCNQSDĐ, UBND xã nhận hồ sơ nhưng không làm thủ tục gì cho bà. Từ năm 2022 đến năm 2025 bà đã nhiều lần đề nghị UBND xã làm thủ tục xác nhận ranh giới đất cho bà, nhưng UBND xã không làm. Hành vi của UBND xã Đ (nay là UBND xã H) không làm thủ tục hành chính cho bà, để gia đình bà được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ đã gây thiệt hại nghiêm trọng cho gia đình bà, trong đó thiệt hại về kinh tế là 4.650.000.000đồng gồm:

- Trong thời gian bà làm thủ tục, bà có đi sang Úc để giúp việc cho con

01 năm, nhưng chưa được 04 tháng bà phải quay về để giải quyết hậu quả mà UBND xã Đ đã gây ra, gây thất thoát kinh tế lớn cho bà là 1.122.000.000đồng, cụ thể con bà trích cho bà mỗi tuần 01 ngày lương khoảng 2.000 USD/ngày x 34 tuần.

- Tiền thuê luật sư đến làm việc với UBND xã Đ 8.000.000đồng.

- Tất cả các khoản tiền bà phải chi phí tại Tòa án nhân dân huyện Sông Lô 35.000.000đồng (bà phải xin giấy tờ từ bên Úc), bà không biết cụ thể những chi phí gì.

- Tiền trượt giá từ năm 2022 đến nay mà người mua đất đặt cọc cho bà, mà bà chưa làm được thủ tục chuyển nhượng 2.400.000.000đồng (khi đó vàng 9999 có 5.000.000đồng/chỉ, nay hơn 14.000.000đồng/chỉ, tiền thuê nhà 4.000.000đồng/ tháng).

- Toàn bộ chi phí do bà phải nghỉ làm, chi phí đi lại, các khoản chi phí phát sinh từ năm 2022 đến nay là 500.000.000đồng.

- Tiền tổn thất tinh thần vì nhiều lần bà muốn tự tử do cuộc sống bất công, UBND xã Đ đã không làm đúng theo hiến pháp và pháp luật, làm cho bà quá mệt mỏi không còn niềm tin nữa 1.000.000.000đồng.

Nay bà đề nghị Tòa án xác định hành vi không làm thủ tục hành chính, để bà có đủ tài liệu để yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ cho bà, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà và yêu cầu UBND xã Đ cũ, nay là UBND xã H phải bồi thường số tiền bà bị thiệt hại trong thời gian từ năm 2022 đến nay bà phải đi lại làm thủ tục tại UBND xã, khởi kiện tại Tòa án với tổng số tiền 5.065.000.000đồng.

** Đại diện UBND xã Đ (cũ) nay là UBND xã H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án ông Phó Khắc C1 trình bày:*

Thửa đất số 168, tờ bản đồ số 6 với diện tích 994m² nêu trong đơn, được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ ngày 20/10/1999 cho hộ ông Nguyễn Văn D (ông D là chồng bà Lỗ Thị H, đã chết năm 2009) địa chỉ tại Khu G, xã Đ cũ, huyện L (Nay là thôn T, xã H).

Sau khi ông D chết, để được công nhận quyền thừa kế hoặc đứng tên hợp pháp, bà Lỗ Thị H và các đồng thừa kế cần làm thủ tục khai nhận di sản theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện thủ tục có xảy ra mâu thuẫn về thừa kế di sản và ranh giới, mốc giới thửa đất:

Ngày 31/03/2023 UBND xã Đ (cũ) tổ chức hội nghị hòa giải tranh chấp đất đai giữa bà Lỗ Thị H và bà Nguyễn Thị A. Tuy nhiên buổi hòa giải không

thành do các bên không thống nhất được với nhau. UBND xã Đ (cũ) đã hướng dẫn bà H khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Sông Lô (cũ) để giải quyết theo thẩm quyền tại văn bản số 103/UBND ngày 04/04/2023. Ngày 05/04/2023 bà H đề nghị công khai hồ sơ đất đai của bà, do thửa đất bà đang thực hiện đăng kí biến động thực tế đang tăng diện tích và thay đổi hình thể so với thời điểm cấp GCNQSD đất, thửa đất đang có tranh chấp ranh giới với hộ liền kề. UBND xã Đ (cũ) tiến hành thông báo công khai về việc kiểm tra, xác minh thửa đất của hộ ông Nguyễn Văn D (chồng bà H), thôn T, xã Đ (cũ), phục vụ công tác cấp GCNQSD đất tại văn bản công khai số 407/TB-UBND ngày 06/04/2023, được niêm yết tại trụ sở UBND xã Đ (cũ) và các nhà văn hóa thôn dân cư trên địa bàn xã, trong vòng 15 ngày.

Trong thời gian công khai, ngày 10/04/2023 UBND xã Đ (cũ) nhận được đơn kiến nghị của anh Nguyễn Văn N (Con trai bà Nguyễn Thị A) hàng xóm giáp ranh với gia đình bà H, không đồng ý với diện tích, hình thể thửa đất bà H đăng kí biến động và cho rằng ranh giới, mốc giới thửa đất giữa hai gia đình có sự trao đổi, ông Nguyễn Văn D lúc còn sống có mượn đất nhà anh. Qua xem xét đơn đề nghị của anh Nguyễn Văn N, UBND xã Đ (cũ) đã đề nghị tổ hòa giải thôn T1 tiến hành hòa giải theo nội dung đơn đề nghị của anh N. Ngày 10/5/2023 UBND xã Đ (cũ) nhận được báo cáo biên bản hòa giải không thành của tổ hòa giải thôn T1. Ngày 19/5/2023 UBND xã Đ (cũ) tổ chức hội nghị hòa giải tranh chấp đất đai giữa hộ anh Nguyễn Văn N và hộ bà Lỗ Thị H, với đủ thành phần tham gia theo quy định. Tuy nhiên buổi hòa giải không tiến hành được do anh N vắng mặt. Ngày 26/5/2023 UBND xã Đ (cũ) tiếp tục tổ chức hòa giải vụ việc lần 2, tuy nhiên buổi hòa giải không thành do hai bên không thống nhất được ranh giới, mốc giới đất đai vị trí tiếp giáp giữa hai hộ gia đình. UBND xã Đ (cũ) đã hướng dẫn anh N đến cơ quan có thẩm quyền, để tiếp tục đề nghị được giải quyết quyền lợi theo đúng quy định của pháp luật và trả lời anh bằng văn bản số 191/UBND ngày 27/05/2023.

Sau đó bà H khởi kiện anh Nguyễn Văn N đến Tòa án nhân dân huyện Sông Lô cũ. Ngày 24/09/2024 Tòa án nhân dân huyện Sông Lô (cũ) đã mở phiên tòa xét xử Bản án số 20/2024/DS-ST. Sau đó ngày 04/10/2024 anh N đã có đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc (cũ). Ngày 21/01/2025 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định số 10/2025/QĐ-PT hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự.

Ngày 27/02/2025 U (cũ) nhận được đơn đề nghị của anh N với nội dung: Đề nghị UBND xã Đ (cũ) xác minh lại thửa đất của hộ anh N và hộ bà H và đề nghị bà H trả lại phần đất mà hộ bà H đã mượn và lấn chiếm (ông D là chồng bà H trước đây khi còn sống đã mượn để làm nhà cùng một phần đất hộ bà lấn

chiếm). Sau khi xem xét đơn đề nghị của anh N, UBND xã Đ (cũ) đã đề nghị tổ hòa giải thôn T, xã Đ (cũ) hòa giải theo nội dung đơn đề nghị của anh N. Ngày 17/03/2025 UBND xã Đ (cũ) nhận được báo cáo, biên bản hòa giải không thành của tổ hòa giải thôn T, Đ (cũ). Ngày 24/03/2025 UBND xã Đ (cũ) tổ chức hội nghị hòa giải tranh chấp đất đai giữa hộ anh N và hộ bà H. Tuy nhiên buổi hòa giải không thành, do hai bên không thống nhất được ranh giới, mốc giới và phương án giải quyết. UBND xã Đ (cũ) đã hướng dẫn anh N đến cơ quan có thẩm quyền để tiếp tục đề nghị giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp của anh theo đúng quy định pháp luật bằng văn bản số: 166/UBND - ĐC ngày 26/03/2025.

Trong khi bà H làm thủ tục thừa kế quyền sử dụng đất từ ông Nguyễn Văn D tại Chi nhánh văn phòng đất đai huyện S, ngày 10/04/2025 UBND xã Đ (cũ) nhận được đơn nghị của anh N về nội dung tranh chấp phần đất 17m² ông D xây dựng nhà và phần đất 10 m² ông D xây bờ rào và hiện tại bà H làm thủ tục bán cho ông H1, trong khi anh N đang có ý kiến không đồng ý về ranh giới hiện trạng, đề nghị UBND xã Đ (cũ) có thông báo đến cơ quan chức năng về việc anh đang có đơn kiến nghị tại UBND xã Đ. UBND xã Đ (cũ) đã trả lời anh N tại văn bản số 266/UBND ngày 15/04/2025 và thông báo đến cơ quan có thẩm quyền (văn bản số 336/UBND-ĐC ngày 25/06/2025) về việc anh N có đơn đề nghị tại UBND xã Đ (cũ).

Ngày 21/07/2025 tại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do Văn phòng C2, tỉnh Phú Thọ lập. Bà Lỗ Thị H đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Đỗ Thị N1, thôn H, xã H. Do gia đình bà N1 đã thỏa thuận được ranh giới, mốc giới với gia đình ông Nguyễn Văn N. Cụ thể: Thửa đất 168, tờ bản đồ 04 (BĐ 299), số phát hành O745402, số vào sổ: 00266, được UBND huyện L cấp ngày 20/10/1999; địa chỉ Khu G, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc cũ, nay là thôn T, xã H, tỉnh Phú Thọ. Diện tích 797,5 m² (trong đó ONT 300,0 m²; CLN 497,5). Ngày 19/09/2025 bà Đỗ Thị N1 được Chi nhánh Văn phòng Đ cấp GCNQSDĐ, quyền sử hữu tài sản gắn liền với đất, thửa đất 53, tờ bản đồ số 28 diện tích 806,1m² (trong đó ONT 300,0 m²; CLN 506,1 m²). Diện tích này đã được thỏa thuận giảm so với thời điểm công khai số 407/TB-UBND ngày 06/04/2023 (*Công khai diện tích đề nghị đăng kí biến động là 828,1 m²; trong đó ONT 300,0 m²; CLN: 528,1 m²*). Diện tích chuyển nhượng, ranh giới thể hiện thay đổi so với hiện trạng, như ranh giới đã được thỏa thuận.

Do vậy, UBND xã Đ nay là UBND xã H khẳng định không vi phạm thủ tục hành chính trong việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ của bà Lỗ Thị H, đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ bác bỏ toàn bộ nội dung đơn kiện của bà H, do thiếu căn cứ pháp lý, thiếu hồ sơ hợp lệ và không có hành vi sai phạm từ phía

UBND xã Đôn Nhân nay là UBND xã H.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2026/HC-ST ngày 08/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ, quyết định:

Căn cứ vào Điều 31a; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 4 Điều 95, Điều 188 Luật đất đai 2013; Điều 42 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lỗ Thị H về các yêu cầu khởi kiện hành vi hành chính của UBND xã H không làm thủ tục hành chính cho bà, để gia đình bà được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ và yêu cầu UBND xã H phải bồi thường cho bà tổng số tiền: 5.065.000.000 đồng

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 19/01/2026 bà H có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H giữ nguyên nội dung kháng cáo, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án cấp phúc thẩm đã tuân thủ đảm bảo đúng trình tự, thủ tục từ khi thụ lý đến tại phiên tòa phúc thẩm; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ và chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Không chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 01/2026/HC-ST ngày 08/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà H làm trong hạn luật định, đơn hợp lệ nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2]. Cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung xét yêu cầu kháng cáo của bà H đề nghị cấp phúc thẩm xem xét trách nhiệm của UBND xã Đ (nay là xã H, tỉnh Phú Thọ), trong việc thực hiện không đúng thủ tục hành chính, gây thiệt hại về vật chất tinh thần cho gia đình bà, yêu cầu UBND xã bồi thường thiệt hại đã gây ra cho gia đình bà, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Năm 2023 bà Lỗ Thị H có nộp hồ sơ thừa kế quyền sử dụng đất từ chồng bà là ông Nguyễn Văn D (đã chết), nhưng do không thống nhất được ranh giới, mốc giới sử dụng đất với hộ giáp danh liền kề, nên hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết. Chi nhánh Văn phòng Đ đã trả lại hồ sơ cho bà H theo quy định. Sau đó ngày 01/3/2023, bà H có đơn đề nghị UBND xã Đ (nay là xã H) về việc, đề nghị làm thủ tục để bà sang tên GCNQSDĐ từ tên chồng bà là ông Nguyễn Văn D sang tên bà. Ngày 06/4/2023, UBND xã Đ đã có “*Thông báo công khai về việc kiểm tra, xác minh thửa đất của hộ ông Nguyễn Văn D, thôn T, xã Đ, phục vụ công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”, nhưng sau đó ngày 10/4/2023 anh Nguyễn Văn N (hộ giáp ranh với hộ bà H) có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai; UBND xã Đ (cũ) đã thành lập Hội đồng hòa giải và tiến hành hòa giải giữa các bên vào ngày 20/3 và ngày 31/3/2023 nhưng không thành; ngày 01/4/2023 UBND xã Đ đã có văn bản trả lời bà H, đồng thời hướng dẫn bà khởi kiện đến Tòa án để được giải quyết.

[2.2]. Sau đó bà H có đơn khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án, và được Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm giải quyết theo quy định; sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án (do bà H rút đơn khởi kiện và anh N rút đơn kháng cáo), đến tháng 02/2025 bà H lại tiếp tục đề nghị UBND xã Đ làm thủ tục cho bà khai nhận thừa kế, tuy nhiên ngày 27/02/2025, anh Nguyễn Văn N lại tiếp tục có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai với lý do: Theo thông báo công khai của UBND xã có một phần đất của gia đình anh đã cho ông Nguyễn Văn D mượn sử dụng, yêu cầu gia đình ông D trả lại cho anh phần đất đã mượn. Do anh N có đơn, nên hồ sơ của bà H sau đó cũng bị Chi nhánh Văn phòng Đ trả lại.

[2.3]. Như vậy, việc năm 2022 và năm 2025 bà H làm thủ tục thừa kế quyền sử dụng đất từ chồng bà là ông Nguyễn Văn D (đã chết), nhưng không thống nhất được ranh giới, do hộ anh N giáp ranh có tranh chấp, sau khi có đề nghị của bà H, UBND xã Đ đã tiếp nhận và giải quyết theo đúng quy định. Cấp sơ thẩm sau khi xem xét đã không chấp nhận yêu cầu của bà H khởi kiện hành vi hành chính của UBND xã Đ, nay là UBND xã H là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Đối với hồ sơ của bà H, ngày 20/8/2025 Chi nhánh Văn phòng Đ tiếp nhận hồ sơ đăng ký biến động quyền sử dụng đất của bà H, nội dung đề nghị:

Thừa kế quyền sử dụng đất, ghép gộp thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất 168, tờ bản đồ số 04. Ngày 10/9/2025, Chi nhánh Văn phòng Đ đã hoàn thiện thủ tục thừa kế cho bà H, thửa đất nêu trên. Đồng thời thực hiện thủ tục chuyển nhượng thửa đất số 168, tờ bản đồ số 04 từ bà Lỗ Thị H chuyển nhượng cho bà Đỗ Thị N1 theo quy định.

Ngày 19/9/2025, Chi nhánh Văn phòng Đ đã ký phê duyệt hồ sơ và cấp GCNQSDĐ cho bà Đỗ Thị N1 theo quy định của pháp luật.

[4]. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lỗ Thị H yêu cầu UBND xã Đ nay là UBND xã H, phải bồi thường cho bà số tiền bà bị thiệt hại trong thời gian từ năm 2022 đến nay, bà phải đi lại làm thủ tục tại UBND xã, khởi kiện tại Tòa án với tổng số tiền 5.065.000.000đồng Hội đồng xét xử thấy rằng: Như phân tích ở trên việc bà H có nộp hồ sơ thừa kế quyền sử dụng đất từ chồng bà là ông Nguyễn Văn D (đã chết) sang tên bà, nhưng do không thống nhất được ranh giới, mốc giới sử dụng đất với hộ giáp danh liền kề và có tranh chấp, nên hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, kéo dài (cần phải giải quyết tranh chấp xong). UBND xã Đ đã thực hiện đúng theo quy định và không có lỗi trong việc kéo dài hồ sơ của của bà H, do đó UBND xã Đ nay là xã H không có trách nhiệm phải bồi thường các chi phí phát sinh hay các thiệt hại của bà H.

[5]. Từ các phân tích trên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Phú Thọ tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về án phí: Án phí hành chính phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí theo quy định. Bà H là người cao tuổi, có đơn xin được miễn án phí, do vậy miễn án phí sơ thẩm cho bà H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính: Bác kháng cáo của bà Lỗ Thị H, giữ nguyên Quyết định Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2026/HC-ST ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí phúc thẩm cho bà Lỗ Thị H.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND khu vực 11 - Phú Thọ;
- VKSND khu vực 11 - Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Trọng